

DANH MỤC BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÁC ĐƠN VỊ

TT	ĐƠN VỊ	SỐ TRANG
1	Khoa ĐTVT - VP	2
2	Đoàn cơ sở	3
3	TT GDQP An ninh Vinh	1
4	TT Nội trú: Tầng 1 & 2 Nhà C - Cơ sở 2	1
5	TT Nội trú: Phòng trực - Nhà C - Cơ sở 2	1
6	Giáo dục quốc phòng - Giảng đường	1
7	Giáo dục quốc phòng	8
8	Trường mầm non TH 	11
9	Khoa Kinh tế	4
10	Khoa Thể dục - Văn phòng	2
11	Khoa Giáo dục thể chất - Cơ sở 2	4

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

- Ông (bà): Hoàng Thị Hà

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA Đ.T.V.T. - VP

- Ông (bà):

- Ông (bà):

- Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Đỉnh Công	00701.00.030000.009	1	15.360.000	3.072.000	✓	→ Vào KTCN				
2	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - P.V.Dư	00701.00.030000.010	1	15.360.000	3.072.000		KTCN				
3	Máy in mã vạch EZ 1100P Godex	00701.00.030000.011	1	13.800.000	5.520.000	0	Không có TSCĐ này.				
4	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	00701.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	0			1	Chuyển VP THCS - THSP	
5	Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	00701.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400		1 Cao huyệt an ninh				
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460	00701.00.030203.002	1	16.896.000	6.758.400		1 Cao huyệt an ninh				
7	Máy tính HP compaq DX 7510MT	00701.02.030000.001	1	14.741.407	2.948.282	0	N. Hạng - Thủ Hối TL năm 2018				
8	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quỳnh Hoa	00701.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844						
9	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	00701.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000		Có Nhung đến KTCN				
10	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	00701.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	0			1	Thủ Hối TL - P. An ninh 2019	
11	Máy in LaserJet CANON 3300	00701.00.110000.001	1	4.500.000		0					
12	Điều hòa LG 12000 BTU	00701.00.110000.002	1	7.100.000		0	Hạng - Thủ Hối TL năm 2016				
13	Điều hòa LG 12000 BTU	00701.00.110000.003	1	7.100.000							
14	Điều hòa LG 12000 BTU	00701.00.110000.004	1	7.100.000							

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Thước sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
15	Máy in HP LaserJet P2035	00701.00.110000.006	1	7.290.000		0			
16	Máy in HP 2055d	00701.02.110000.001	1	9.593.730		01	Có Nhung Vũ KTCN đang		1 QTĐT đã thu hồi
17	Bàn sơn 1.8 m	00701.00.120000.001	1	4.472.000		0			Hồ hòng QTĐT đã thu hồi
18	Bàn học 2 m	00701.00.120000.002	1	3.770.000		1			
19	Bàn sơn 1.0 m	00701.00.120000.003	1	2.540.000		1			
20	Ghế tựa đệm da	00701.00.120000.004	6	6.990.000		0			6 ATưần chuyển VP Đoàn
21	Ghế xoay da (TP/K/GB)	00701.00.120000.005	1	4.170.000	-8.340.000	0	Hồ hòng		1 Tườn thu về kho
22	Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	00701.00.120000.006	2	4.400.000		1			1 01 từ 6 cái ATVT do' lại về STN C.Đ
23	Tủ sắt Hòa Phát 2 cánh	00701.00.120000.007	2	2.750.000		1			1 Hồ hòng đã chuyển QT!
24	Bàn vi tính 1.2m x 0.4	00701.00.120000.008	1	590.000		1			
25	Bàn sơn 1.4 m	00701.00.120000.009	2	5.700.000		2	01 Cái có Nhung QLSX đang sử dụng tại Văn KTCN		
26	Bàn sơn 1.6 m	00701.00.120000.010	1	4.070.000		0			1 hồ hòng QTĐT đã thu hồi
27	Bàn hộp 3m	00701.00.120000.011	1	3.770.000		0			1 Tườn chuyển TT GDQP
28	Ghế xếp da Hòa Phát màu xanh	00701.00.120000.012	20	8.400.000		20	đang sử dụng tại XP Văn KTCN		
29	Bảng nhôm kính 2m	00701.00.120000.013	1	2.100.000		1			
30	Bảng nhôm kính 1.2 m	00701.00.120000.014	1	1.050.000		1			
31	Ghế Thi nghiệm sinh viên	00701.00.120000.015	1	154.000		1			
32	Ghế tựa đệm Xuân Hòa	00701.00.120000.016	8	904.000	904.000	0	Đã chuyển kho chủ Thanh lý		1 Chuyển VP Trường THSP-THCS
33	Tủ 1.84 m	00701.00.120000.017	1	7.120.000		0			
34	Tủ gỗ 1.35 m	00701.00.120000.018	1	5.260.000		1			
Cộng			68	285.305.560	55.964.246				

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

Bộ phận kiểm kê

2

Đào Thị Hồng

NML

Trần Anh Tuấn

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà):

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: ĐOÀN CQ.SỞ

kết quả như sau:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách: TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
1	-Máy ảnh kỹ thuật số Canon	04701.00.030000.004	1	17.500.000		1					
2	-Máy tính lenovo Think centre Edge	04701.00.030000.010	1	11.149.243	2.229.848	1					
3	-Máy tính lenovo Think centre Edge	04701.00.030000.011	1	11.149.243	2.229.848	1					
4	-Máy tính lenovo Think centre Edge	04701.00.030000.012	1	11.149.243	2.229.848	1					
5	-Loa JBL MR918	04701.00.030000.019	1	12.051.000	4.820.400	0					
6	-Máy chiếu Optoma EW610STI	04701.00.030601.001	1	38.365.000	15.346.000	1					
7	-Loa 2 way, 400w-800w - LS1502	04701.02.030000.007	1	19.181.393	7.672.556	0					
8	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	04701.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	1					
9	-Máy in HP LaserJet P2035	04701.00.110000.021	1	6.100.000		1					
10	-Điều hòa 12 000 BTU	04701.00.110000.022	1	7.100.000		1					
11	-Điều hòa 12 000 BTU	04701.00.110000.023	1	7.100.000		1					
12	-Điều hòa 12 000 BTU	04701.00.110000.024	1	7.100.000		1					
13	-Điều hòa 12 000 BTU	04701.00.110000.025	1	7.100.000		0					
14	-Tủ lạnh Sanid	04701.00.110000.028	1	3.100.000		1					
15	-Máy in HP 2055d	04701.02.110000.011	1	9.593.730		1					
16	-Bàn sơn ET 1600E (1.6m)	04701.00.120000.003	2	8.140.000		2					
17	-Chế xoay da (TP/TK/GĐ)	04701.00.120000.004	1	4.170.000		1					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
18	-Bàn sơn 1.0 m	04701.00.120000.006	1	2.850.000		1						
19	-Tủ sắt Hoà Phát	04701.00.120000.014	1	1.947.307		1						
20	-Tủ két	04701.00.120000.015	1	2.840.000		1	VP					
21	-Tủ sắt 2 tầng cửa kính	04701.00.120000.016	1	1.605.010		1	VP					
22	-Chế tựa đệm da xanh Hòa Phát	04701.00.120000.020	10	4.200.000		10						
23	-Chế khung sắt đệm nỉ đỏ Hòa Phát	04701.00.120000.024	51	41.820.000	-54.120.000	0	Gửi AL Tuấn					
24	-Bàn sơn 1.4 m	04701.00.120000.025	2	5.700.000		2	VP					
25	-Bàn sơn 1.8 m	04701.00.120000.028	1	4.077.000		1	VP					
26	-Tủ sơn 1.35 m	04701.00.120000.029	1	5.260.000		1	VP					
27	-Bàn ghế salon	04701.00.120000.031	1	3.300.000		1	VP					
28	-Chế Sô S 2	04701.01.120000.001	1	3.710.000	3.710.000	1						
29	-Bàn OD 1200A	04701.01.120000.002	1	2.950.000	2.950.000	1						
30	-Bàn sơn ET 1600E	04701.01.120000.003	1	4.700.000	4.700.000	1						
	Cộng		91	283.508.169	2.868.500							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 14 tháng 11 năm 2015

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đón vị: Đoàn...Ca...s...

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VI SỬ DỤNG

TRƯỜNG ĐÓN VI

BAN KIỂM KÊ

Handwritten signature
B. B. B.

Don vi: VI-QP

Đánh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: VP. 08

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ....	Mã số	Đơn vị	Đơn giá	Theo kiểm kê Số lượng	Nguyên nhân	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ tài sản hiện có tại đơn vị				Ghi chú
								Thẻ kho	BBB	G	CO.C	
1	Tủ HP 6 years	3	Cái	5	03	VP	Tủ bị gãy: 10 + 30	11	12	13	14	
2	Tủ HP 4 years		Cái		04							
3	Máy in Canon 2900		Cái		04							
4	Bàn sơn 1.4m		Cái		04							
5	Bàn sơn 1.0m		Cái		01	VP	Hư hỏng TP: 03					(G/áo)
6	Bàn gỗ 1.2m		Cái		01							
7	Ghế chân quỳ		Cái		00							
8	Ghế nhựa sơn sắt		Cái		03							
9	Ghế Xà		Cái		03	VP	Hư hỏng TP: 03					
10	Tủ Hầm phốt 2 tầng cực lít		Cái		01							
	Sợi dây NRB 03		Cái		18							
	Ác vít gỗ.		Cái		30							
	Ác vít nhựa		Cái		500	VP	Hư hỏng TP: 03					
	Ác vít kim + cốt bê tông		Cái		60							
	B40		Cái		05							
	B41		Cái		05							
	C/KC		Cái		40	VP	Hư hỏng TP: 03					
	Cộng											

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

+ 324 cái

+ 468 cái

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: II. NỘI DUNG: TÀNG 1 & 2 NHÀ C. - CQ SỐ 2 kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Giường tầng sắt hộp	04210.00.120000.001	76	83.600.000		76			
2	-Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	04210.00.120000.002	35	77.000.000	30.800.000	35			
3	-Bàn 2.4m x 1.2	04210.00.120000.005	1	4.250.000		1			
4	-Giường tầng GT40B	04210.00.120000.007	100	241.500.000		100			
5	-Bàn học cá nhân Hòa Phát	04210.00.120000.009	49	78.400.000		49			
	Cộng		261	484.750.000	30.800.000				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 201.....

Bộ phận kiểm kê


Trần Thanh Tiếp


Trần Anh Tuấn

Nguyễn Thị Thanh

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: TT.GDQP.AN.NINH.VINH....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy chiếu gắn Hitachi CP - AW3005EF	00403.01.030603.001	1	38.000.000	38.000.000	1	38.000.000	38.000.000				
2	-Máy chiếu gắn Hitachi CP - AW3005EF	00403.01.030603.002	1	38.000.000	38.000.000	1	38.000.000	38.000.000				
3	-Tivi 60 Sharp LC-60LE630M	00403.02.030000.001	1	50.930.000	10.186.000	1	50.930.000	10.186.000				
4	-Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	00403.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1	24.741.200	14.844.720				
5	-Màn chiếu treo tường 150" 2.29x3.05m	00403.01.110000.001	2	5.300.000		2	5.300.000					
6	-Giường bệnh nhân inox -90 x 180 cm -2017	00403.01.110000.002	8	19.200.000		8	19.200.000					
7	-Giường gỗ xoan 1.4 x 2m	00403.01.110000.003	1	2.500.000		1	2.500.000					
8	-Ghế băng GPC 04 I-4	00403.01.120000.001	6	37.800.000	37.800.000	6	37.800.000	37.800.000				
9	-Bàn Sơn DT 1890 H35	00403.01.120000.002	1	5.150.000	5.150.000	1	5.150.000	5.150.000				
	Cộng		22	221.621.200	143.980.720							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng năm 2017.

Bộ phận kiểm kê

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: TT NỘI TRÚ: PHÒNG TRƯC NHẢ C C C S S 2, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	- Tủ sắt Hòa Phát 6 cánh	04209.00.120000.001	1	2.200.000		1			
2	- Giường hộp gỗ xoan	04209.00.120000.002	1	330.000		1			
3	- Bàn ghế sa lon gỗ xoan	04209.00.120000.003	1	1.545.000		1			
4	- Ghế tựa đệm Hòa Phát	04209.00.120000.007	1	420.000		1			
5	- Bàn giáo viên phòng học	04209.00.120000.009	2	1.280.000		2			
	Cộng		6	5.775.000					

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày tháng năm 2017

Trần Hữu Tèo

N.C. Công

NML

Trần Anh Tuấn

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - 2017 - Xuân Dũng	00402.01.030107.001	1	18.500.000	18.500.000	1						
2	-Máy in HP Laser jet Pro M402 - VP - 2017	00402.01.110102.001	1	8.500.000	8.500.000	1						
3	-Bàn học sinh 2 chỗ ngồi	00402.00.120000.001	262	127.856.000								
4	-Bàn giáo viên	00402.00.120000.002	3	1.950.000								
5	-Ghế giáo viên	00402.00.120000.003	4	520.000								
6	-Bảng từ 4m	00402.00.120000.004	15	41.895.000								
	Cộng		286	199.221.000	27.000.000							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày tháng A. năm 2017.

Bộ phận kiểm kê

  
Trưởng ban kiểm kê
Kế toán trưởng
Đơn vị sử dụng
Tiêm Anh Tuấn

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	Máy vi tính Lenovo	00401.00.030000.020	1	11.200.000	2.240.000	1	vp	2.240.000			
2	Máy vi tính Lenovo	00401.00.030000.021	1	11.200.000	2.240.000	1	vp	2.240.000			
3	Máy vi tính Lenovo	00401.00.030000.022	1	11.200.000	2.240.000	1	vp	2.240.000			
4	Máy vi tính Lenovo	00401.00.030000.023	1	11.200.000	2.240.000	1	vp	2.240.000			
5	Máy vi tính Lenovo	00401.00.030000.024	1	11.200.000	2.240.000	1	vp	2.240.000			
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 2420	00401.00.030000.025	1	15.100.000	3.020.000	1		3.020.000			
7	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00401.00.030000.027	1	15.360.000	3.072.000	1		3.072.000			
8	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00401.00.030000.028	1	15.360.000	3.072.000	1		3.072.000			
9	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00401.00.030000.029	1	15.360.000	3.072.000	1		3.072.000			
10	Máy bán tập MBT-03	00401.00.030000.030	1	25.500.000	5.100.000	1		5.100.000			
11	Loa WH F12 +	00401.00.030000.035	1	25.200.000	10.080.000	1		10.080.000			
12	Loa WH F12 +	00401.00.030000.036	1	25.200.000	10.080.000	1		10.080.000			
13	Loa WH F12 +	00401.00.030000.037	1	25.200.000	10.080.000	1		10.080.000			
14	Loa WH SOC - 214	00401.00.030000.038	1	29.800.000	11.920.000	1		11.920.000			
15	Loa WH SOC - 214	00401.00.030000.039	1	29.800.000	11.920.000	1		11.920.000			
16	Subpass WH US 18	00401.00.030000.040	1	33.900.000	13.560.000	1		13.560.000			
17	Subpass WH US 18	00401.00.030000.041	1	33.900.000	13.560.000	1		13.560.000			

8/3

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
18	-Bàn Mixer Yamaha 166 CX	00401.00.030000.042	1	15.500.000	6.200.000	1	HT					
19	-Công suất Nexo S15	00401.00.030000.045	1	15.500.000	6.200.000	1	HT					
20	-Công suất Nexo S15	00401.00.030000.046	1	15.500.000	6.200.000	1	HT					
21	-Công suất Nexo S13	00401.00.030000.047	1	13.500.000	5.400.000	1	HT					
22	-Micro EV R300 - HD	00401.00.030000.048	1	10.500.000	4.200.000	1	HT					
23	-Micro EV R300 - HD	00401.00.030000.049	1	10.500.000	4.200.000	1	HT					
24	-Micro EV R300 - HD	00401.00.030000.050	1	10.500.000	4.200.000	1	HT					
25	-Micro EV R300 - HD	00401.00.030000.051	1	10.500.000	4.200.000	1	HT					
26	-Máy bán tập MBT-03	00401.00.030000.052	1	25.500.000	5.100.000	1	HT					
27	-Máy tính Lenovo	00401.00.030000.053	1	11.200.000	2.240.000	1						
28	-Tivi Panasonic TC-P42ST30	00401.00.030000.057	1	18.500.000		1						
29	-Tivi Panasonic 32 inch TH-L32XM6V	00401.00.030000.058	1	11.200.000		1						
30	-Tivi Panasonic 32 inch TH-L32XM6V	00401.00.030000.059	1	11.200.000		1	6 Tj					
31	-Tivi Panasonic 32 inch TH-L32XM6V	00401.00.030000.060	1	11.200.000		1	8 Dg					
32	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	00401.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1						
33	-Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - Đc Vương Đình Phi	00401.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	1						
34	-Máy photocopy Ricoh 2501L	00401.01.030402.001	1	89.900.000	78.662.500	1	VL					
35	-Điều hòa LG 18 BTU - 2016	00401.01.030501.001	1	14.500.000	12.687.500	1	VP					
36	-Tivi Samsung 488 +Giá treo TV 48□+Dàn và ăng ten	00401.01.030801.001	1	14.755.000	11.804.000	1						
37	-Tivi Samsung 488 +Giá treo TV 48□+Dàn và ăng ten	00401.01.030801.002	1	14.755.000	11.804.000	1						
38	-Tivi Samsung 488 +Giá treo TV 48□+Dàn và ăng ten	00401.01.030801.003	1	14.755.000	11.804.000	1						
39	-Máy tính xách tay Acer TM 8472TG	00401.02.030000.001	1	20.000.000	4.000.000	1						
40	-Máy tập bán MBT 03	00401.06.030000.001	1	22.750.000	18.200.000	1						
41	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	00401.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
42	Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	00401.07.030000.002	1	13.508.000	8.104.800	1						
43	-Thiết bị âm thanh lưu động: SP10 TG	00401.09.030000.001	1	15.620.000	9.372.000	1						
44	-Bàn họp Hòa Phát	00401.00.040000.003	1	14.500.000	5.800.000	1						
45	-Tủ đựng quần áo gỗ Xoan	00401.00.040000.006	1	18.500.000	7.400.000	1						
46	-Tủ Dafuco TS3010E	00401.00.040000.008	1	14.300.000	8.937.500	1						
47	-Súng AK 47 luyện tập	00401.00.110000.008	20	32.600.000		20						
48	-Đạn diệt tăng B40 cắt bổ	00401.00.110000.010	2	500.000		2						
49	-Đạn diệt tăng B41 cắt bổ	00401.00.110000.011	2	760.000		2						
50	-Hộp đựng dụng cụ kiểm tra bộ binh	00401.00.110000.012	2	795.200		2						
51	-Máy in canon 3300	00401.00.110000.013	4	18.400.000		4						
52	-Mô hình đường đạn	00401.00.110000.014	2	528.000		2						
53	-Mô hình đạn B40 cắt bổ	00401.00.110000.016	3	1.200.000		3						
54	-Mô hình đạn B40 cắt bổ	00401.00.110000.017	3	1.800.000		3						
55	-Giá treo loa	00401.00.110000.018	3	2.550.000		3						
56	-Đầu DVD Kensuko	00401.00.110000.019	1	1.500.000		1						
57	-Tủ máy 16U	00401.00.110000.020	1	4.500.000		1						
58	-Quạt cây công nghiệp	00401.00.110000.022	13	31.070.000	-16.730.000	13						
59	-Mô hình súng AK 47(cải hoán, bán gổ)	00401.00.110000.023	50	164.254.000		50						
60	-Tủ đựng súng	00401.00.110000.026	5	19.426.000		5						
61	-Máy bơm Sello ST25	00401.00.110000.027	3	4.500.000		3						
62	-Tivi Sony 21 in	00401.00.110000.028	1	6.500.000		1						
63	-Điều hoà 2 cục Panasonic 12000BTU	00401.00.110000.031	1	9.224.226		1						
64	-Điều hòa 2 cục 1 chiều Panasonic - 12.000 BTU	00401.00.110000.032	1	9.224.226		1						
65	-Điều hòa 2 cục 1 chiều Panasonic - 12.000 BTU	00401.00.110000.033	1	9.224.226		1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
66	-Thiết bị tạo giả hỏa lực	00401.00.110000.034	1	8.100.000		1						
67	-Equalizer DBX 231 S	00401.00.110000.035	1	9.500.000		1						
68	-Crossover DBX 233 XS	00401.00.110000.036	1	7.500.000		1						
69	-Xe gom rác XG97	00401.00.110000.037	1	5.600.000		1						
70	-Xe gom rác XG97	00401.00.110000.038	1	5.600.000		1						
71	-Xe gom rác XG97	00401.00.110000.039	1	5.600.000		1						
72	-Máy in cannon 3300	00401.00.110000.040	1	5.800.000		1						
73	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	00401.00.110000.041	1	9.200.000		1						
74	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	00401.00.110000.042	1	9.200.000		1						
75	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	00401.00.110000.043	1	9.200.000		1						
76	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	00401.00.110000.044	1	9.200.000		1						
77	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	00401.00.110000.045	1	9.200.000		1						
78	-Khoan bắt vít - 2016	00401.01.110000.001	1	1.300.000		1						
79	-Thang inox gấp-2016	00401.01.110000.002	2	5.000.000		2						
80	-Khoan bê tông - 2016	00401.01.110000.003	1	2.500.000		1						
81	-Quạt dây Mitsubishi 1W16	00401.01.110000.004	2	4.780.000		2						
82	-Mô hình súng tiểu liên AK	00401.06.110000.001	50	162.500.000		50						
83	-Mô hình súng AK cắt bỏ	00401.06.110000.002	10	35.000.000		10						
84	-Mô hình súng CKC cắt bỏ	00401.06.110000.003	10	35.000.000		10						
85	-Mô hình súng B41 cắt bỏ	00401.06.110000.004	5	13.750.000		5						
86	-Mô hình súng B40 cắt bỏ	00401.06.110000.005	5	11.250.000		5						
87	-Mô hình đạn B40 cắt bỏ	00401.06.110000.006	5	3.250.000		5						
88	-Mô hình đạn B41 cắt bỏ	00401.06.110000.007	5	4.250.000		5						
89	-Tủ đựng súng và thiết bị	00401.06.110000.008	5	20.650.000		5						
90	-Bàn học sinh viên 2 chỗ ngồi khung thép Hòa Phát	00401.00.120000.018	184	235.520.000		0						
91	-Chậu giặt inox F 60	00401.00.120000.020	176	43.120.000		0						

Ttl 2/2016
 QHVN
 2016

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
92	-Thùng đựng rác loại vừa RV50	00401.00.120000.021	8	10.000.000		8						
93	-Thùng đựng rác loại to TV240	00401.00.120000.022	8	27.600.000		8						
94	-Giường cá nhân 1,4 x 2	00401.00.120000.023	15	53.400.000		15						
95	-Giường cá nhân 1,5 x 2	00401.00.120000.024	1	4.500.000		1						
96	-Bảng kế hoạch công tác 2,2 x 1,3	00401.00.120000.025	3	5.850.000		3						
97	-Bảng kế hoạch công tác 1,2 x 1,4	00401.00.120000.026	1	1.820.000		1						
98	-Tủ sắt 6 cánh CAT 09KG Hòa Phát	00401.00.120000.027	117	450.450.000	-23.100.000	118						161
99	-Ghế xếp Hòa Phát	00401.00.120000.028	227	102.150.000	-62.550.000	135						
100	-Ghế gỗ Hòa Phát	00401.00.120000.029	28	46.200.000		28						
101	-Tủ đựng tài liệu 4 ngăn CAT09KD Hòa Phát	00401.00.120000.030	1	3.700.000		1						
102	-Bàn sơn Hòa Phát DT1890 H35	00401.00.120000.031	2	9.800.000		2						
103	-Bàn làm việc Hòa Phát	00401.00.120000.032	1	3.300.000		1						
104	-Bàn làm việc cho cán bộ ET 1400C	00401.00.120000.033	13	38.870.000		13						
105	-Ghế da Hòa Phát SG912	00401.00.120000.034	3	12.780.000		3						
106	-Bàn họp Hòa Phát	00401.00.120000.035	1	4.100.000		1						
107	-Tủ đựng quần áo CAT 09K2 1T Hòa Phát	00401.00.120000.036	9	34.650.000		9						
108	-Giường sinh viên GT 40B Hòa Phát	00401.00.120000.037	163	431.950.000		163						
109	-Bàn ghế sinh viên BSV102	00401.00.120000.038	54	72.900.000	-62.100.000	60						
110	-Bàn ghế giáo viên Hòa Phát BGGV 101	00401.00.120000.039	8	20.400.000		8						
111	-Tủ sơn 1,84 m	00401.00.120000.041	1	7.120.000		1						
112	-Tủ sơn 1,35 m	00401.00.120000.042	1	5.260.000		1						
113	-Tủ sơn Hòa Phát DC1840	00401.00.120000.043	1	7.120.000		1						
114	-Ghế xoay Dafuco	00401.00.120000.044	1	7.200.000		1						
115	-Bàn bóng bàn	00401.00.120000.045	1	9.550.000		1						

126
161
135

Cộng

1.305

3.225.187.878

221.391.500

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....


Trần Văn Tiến


Trần Anh Tuấn


Nguyễn Công Hùng



BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Nguyễn Chí Hòa Trưởng

- Ông (bà): Nguyễn Nhật Linh

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: kết quả như sau:

TRƯỜNG MẦM NON TH

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	
1	-Tivi LCD 32 LG Full HD)	03301.00.030000.081	1	11.425.000		1	11.425.000			
2	-Tivi LCD 32 LG Full HD)	03301.00.030000.082	1	11.425.000		1	11.425.000			
3	-Máy giặt Hitachi 160JJ	03301.00.030000.089	1	15.000.000		0				
4	-Tivi LCD 42 LG Full HD	03301.00.030000.092	1	26.278.000		1	26.278.000			
5	-Tủng âm STK Sm16S	03301.00.030000.093	1	27.541.000		1	27.541.000			
6	-Bảng thông minh tương tác DS-9089HD	03301.00.030000.096	1	41.556.000		1	41.556.000			
7	-Switch 24 Port WS-C2960-24TC-L	03301.00.030000.097	1	58.621.000		1	58.621.000			
8	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.099	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
9	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.100	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
10	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.101	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
11	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.102	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
12	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.103	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
13	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.104	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
14	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.105	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
15	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.106	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			
16	-Đàn Organ Yamaha PSR S7050	03301.00.030000.107	1	23.375.000	9.350.000	1	23.375.000			

Gửi

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	-Đàn Organ Yamaha PSR 5750SA	03301.00.030000.108	1	23.375.000	9.350.000	1	4TB1					
18	-Máy chiếu sony VPL EW130	03301.00.030000.113	1	27.500.000	11.000.000	1	P. máy					
19	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.114	1	43.230.000	17.292.000	1	2.TA1					
20	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.115	1	43.230.000	17.292.000	1	Phy Gray					
21	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.116	1	43.230.000	17.292.000	1	3TC1					
22	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.117	1	43.230.000	17.292.000	1	pho					
23	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.118	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
24	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.119	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
25	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.120	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
26	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.121	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
27	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.122	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
28	-Đàn Organ Yamaha PSR 550B	03301.00.030000.123	1	43.230.000	17.292.000	1	P. Đàn Tay					
29	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.125	1	17.050.000	6.820.000	1	2TB1					
30	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.126	1	17.050.000	6.820.000	1	2TC1					
31	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.128	1	17.050.000	6.820.000	1	3.TB1					
32	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.129	1	17.050.000	6.820.000	1	5.TA1					
33	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.130	1	17.050.000	6.820.000	1	5TB1					
34	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.131	1	17.050.000	6.820.000	1	5TC1					
35	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.132	1	17.050.000	6.820.000	1	Phy plus 4TB					
36	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.133	1	17.050.000	6.820.000	1	4TD1					
37	-Máy tính để bàn Lenovo Ideacentre H430	03301.00.030000.134	1	17.050.000	6.820.000	1	P. Đàn Tay					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
38	H430				5.820.000	1	phụ Bida le					
39	H4					1	Dung					
40	H4					1	P. Đai					
41	H430					1	pho HT-TT02 Diop Hca					
42						1	Kho T3.TH					
43						1	2TC1					
44						1	STB1					
45						1	pho Nui Khe T3.					
46					5.280.000	1	V. Phn					
47						1	T. Phn					
48						1	bep					
49						1	bep					
50						1	2TC1 (4) STA1					
51						1	3B1 1. STB1					
52						1	STC1					
53						1	STD1					
54						1	2D					
55						1	2C					
56						1	2B					
57		033 000 000 013				1	4C					
58		033 000 000 010				1	4B					
59						1	4A					
60						1	1B					
61						1	1D					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
62	-Tivi Samsung 40H 5552	03301.00.030000.174	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
63	-Tivi Samsung 40H 5552	03301.00.030000.175	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
64	-Tivi Samsung 40H 5552	03301.00.030000.176	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
65	-Tivi Samsung 40H 5552	03301.00.030000.177	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
66	-Tivi Samsung 40H 5552	03301.00.030000.178	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
67	-Tivi Sharp LE 660X	03301.00.030000.179	1	42.000.000	25.200.000	1	42.000.000	25.200.000				
68	-Tivi Sharp LE 660X	03301.00.030000.180	1	42.000.000	25.200.000	1	42.000.000	25.200.000				
69	-Bơm nước Bentax - Trạm bơm CSI	03301.01.030000.001	1	12.800.000	12.800.000	1	12.800.000	12.800.000				
70	-Máy in đơn sắc Olivetti P12 Plus	03301.01.030305.001	1	16.900.000	13.520.000	1	16.900.000	13.520.000				
71	-Máy photocopy Ricoh 2501L	03301.01.030402.001	1	89.900.000	78.662.500	1	89.900.000	78.662.500				
72	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1	03301.01.030501.001	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
73	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1	03301.01.030501.002	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
74	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1	03301.01.030501.003	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
75	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1	03301.01.030501.004	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
76	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T1-P máy	03301.01.030501.005	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
77	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T2	03301.01.030501.006	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
78	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T2	03301.01.030501.007	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
79	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T2	03301.01.030501.008	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
80	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T2	03301.01.030501.009	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
81	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T2	03301.01.030501.010	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
82	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T3	03301.01.030501.011	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
83	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T3	03301.01.030501.012	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
84	-Điều hòa LG 12 BTU - 2016 T3	03301.01.030501.013	1	12.000.000	10.500.000	1	12.000.000	10.500.000				
85	-Điều hòa LG 12.000 BTU 2017 P. Đối	03301.01.030501.014	1	20.694.877	20.694.877	1	20.694.877	20.694.877				
86	-Điều hòa LG 12.000 BTU 2017 P. mạng	03301.01.030501.015	1	20.694.877	20.694.877	1	20.694.877	20.694.877				
87	-Điều hòa LG 12.000 BTU 2017 - T2	03301.01.030501.016	1	20.694.877	20.694.877	1	20.694.877	20.694.877				

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
88	-Đầu hòa LG 12.000 BTU 2017 - T2	03301.01.030501.017	1	20.694.877	20.694.877	1		20.694.877				
89	-Đầu hòa LG 12.000 BTU 2017 - T3	03301.01.030501.018	1	20.694.877	20.694.877	1		20.694.877				
90	-Đầu hòa LG 12.000 BTU 2017 - T3	03301.01.030501.019	1	20.694.864	20.694.864	1		20.694.864				
91	-Hệ thống Camera cho Trường mầm non - Trg THSP Gồm 15 camera và 1 đầu ghi hình	03301.01.030701.001	1	446.748.000	446.748.000	1		446.748.000				
92	-Hệ thống camera Trường Mầm non 2016 - 38 camera + 5 đầu thu	03301.01.031001.001	1	230.080.000	184.064.000	1		184.064.000				
93	-Hệ thống lọc nước Trường THSP 2016	03301.01.031001.002	1	64.000.000	51.200.000	1		51.200.000				
94	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	03301.02.030000.001	1	14.064.223	2.812.844	1		2.812.844				
95	-Máy in bảng Olivetti PR2 Plus	03301.02.030000.003	1	17.734.283	3.546.856	1		3.546.856				
96	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Lê Na	03301.07.030202.001	1	25.411.000	15.246.600	1		15.246.600				
97	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Dương Nga	03301.07.030202.002	1	25.411.000	15.246.600	1		15.246.600				
98	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
99	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.002	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
100	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.003	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
101	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.004	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
102	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.005	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
103	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.006	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
104	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.007	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
105	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.008	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				
106	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.009	1	18.500.000	11.100.000	1		11.100.000				

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
107	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.010	1	18.500.000	11.100.000	1	18.500.000	11.100.000	
108	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT	03301.10.030000.011	1	18.500.000	11.100.000	1	18.500.000	11.100.000	
109	-Đàn Organ Yamaha PSR S750 + chân đàn	03301.10.030000.013	10	350.350.000	210.210.000	10	350.350.000	210.210.000	
110	-Giống mùa	03301.10.030000.014	1	24.992.000	14.995.200	1	24.992.000	14.995.200	
111	-Tủ cơm ga 3 tầng Inoxx	03301.00.040000.002	1	115.500.000	72.187.500	1	115.500.000	72.187.500	
112	-Bộ liên hoàn đa năng cao cấp	03301.00.040000.008	1	429.000.000	171.600.000	1	429.000.000	171.600.000	
113	-Bộ liên hoàn sân vườn	03301.00.040000.009	1	41.800.000	16.720.000	1	41.800.000	16.720.000	
114	-Xích đu 4 trong 1	03301.00.040000.010	1	27.500.000	11.000.000	1	27.500.000	11.000.000	
115	-Gương dán tường	03301.10.040000.001	1	21.010.000	12.606.000	1	21.010.000	12.606.000	
116	-Bộ cấp nguồn điện cho đàn 12V	03301.00.110000.001	15	1.500.000		15	1.500.000		
117	-Vải đựng đàn	03301.00.110000.002	15	3.000.000		15	3.000.000		
118	-Ấm điện	03301.00.110000.003	1	500.000		1	500.000		
119	-Đầu đọc đĩa DVD Ariang	03301.00.110000.005	4	3.200.000		4	3.200.000		
120	-Bộ nồi inox 5 cái	03301.00.110000.008	2	2.800.000		2	2.800.000		
121	-Lò nướng thủy tinh	03301.00.110000.009	1	1.500.000		1	1.500.000		
122	-Switch 24 Ports 10/100 Mbps Planet FNSW-2401	03301.00.110000.010	2	3.338.000		2	3.338.000		
123	-Ổn áp Lioa 750 KVA (90-250V)	03301.00.110000.011	1	2.100.000		1	2.100.000		
124	-Micro không dây Shure SM 58	03301.00.110000.014	4	10.000.000		4	10.000.000		
125	-Micro biểu diễn có dây TOA DM-1200	03301.00.110000.015	2	5.195.000		2	5.195.000		
126	-Loa thùng bảo TOA SC630M	03301.00.110000.016	1	2.598.000		1	2.598.000		
127	-Bếp ga BG 70W	03301.00.110000.017	1	1.000.000		1	1.000.000		
128	-Loa STK SP122	03301.00.110000.020	4	17.433.000		4	17.433.000		
129	-Âmpli + loa thùng	03301.00.110000.021	1	4.500.000		1	4.500.000		
130	-Âmpli TOA - A2060	03301.00.110000.022	1	4.500.000		1	4.500.000		

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
131	-Máy in Canon 3300	03301.00.110000.023	1	4.550.000		1	4.550.000					
132	-Máy in Canon 3300	03301.00.110000.024	1	4.550.000		1	4.550.000					
133	-Dây chuyển vi tính lên ti vi	03301.00.110000.025	12	960.000		12	960.000					
134	-Ổ cắm chuyển Lì oa	03301.00.110000.026	12	2.040.000		12	2.040.000					
135	-Cân sức khỏe	03301.00.110000.027	1	1.900.000		1	1.900.000					
136	-Giá sắt đứng nhạc cụ Hòa Phát	03301.00.110000.028	2	6.490.000		2	6.490.000					
137	-Quạt treo tường Lifan	03301.00.110000.029	20	18.700.000		20	18.700.000					
138	-Tai nghe Soundmax AH304	03301.00.110000.030	10	23.100.000		10	23.100.000					
139	-Loa máy tính soundmax A860	03301.00.110000.031	1	880.000	-11.440.000	1	880.000					
140	-Đầu máy DVD - Internet samsung BD E360	03301.00.110000.032	4	7.920.000	-9.900.000	4	7.920.000					
141	-Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	03301.00.110000.033	1	2.090.000		1	2.090.000					
142	-Quạt treo tường Vinawind	03301.00.110000.034	30	52.800.000		30	52.800.000					
143	-Tủ lạnh Sanyo	03301.00.110000.035	1	4.290.000		1	4.290.000					
144	-Két bạc	03301.00.110000.039	1	6.000.000		1	6.000.000					
145	-Modul quang Cisco GLC-SX-MM	03301.00.110000.040	1	6.176.000		1	6.176.000					
146	-Modul quang Cisco GLC-SX-MM	03301.00.110000.041	1	6.176.000		1	6.176.000					
147	-Tủ đông Denver 77T	03301.00.110000.070	1	7.800.000		1	7.800.000					
148	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.075	1	8.250.000		1	8.250.000					
149	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.076	1	8.250.000		1	8.250.000					
150	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.077	1	8.250.000		1	8.250.000					
151	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.078	1	8.250.000		1	8.250.000					
152	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.079	1	8.250.000		1	8.250.000					
153	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.080	1	8.250.000		1	8.250.000					
154	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.081	1	8.250.000		1	8.250.000					
155	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.082	1	8.250.000		1	8.250.000					
156	-Tivi 32" Samsung LA32C350 + Giá	03301.00.110000.083	1	8.250.000		1	8.250.000					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
157	Tủ mạng 27U Tiêu chuẩn quốc tế NETRACK	03301.00.110000.084	1	8.346.000		1	P.m.v					
158	Máy sấy Electrolux EDV705G	03301.00.110000.085	1	8.500.000		1	bếp					
159	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.086	1	8.700.000		1						
160	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.087	1	8.700.000		1						
161	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.088	1	8.700.000		1						
162	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.089	1	8.700.000		1						
163	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.090	1	8.700.000		1						
164	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.091	1	8.700.000		1						
165	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.092	1	8.700.000		1						
166	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.093	1	8.700.000		1						
167	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.094	1	8.700.000		1						
168	Điều hòa nhiệt độ LG 12000 BTU	03301.00.110000.095	1	8.700.000		1						
169	Điều hòa GL 12000 BTU	03301.00.110000.096	1	8.700.000		1						
170	Điều hòa GL 12000 BTU	03301.00.110000.097	1	8.700.000		1						
171	Điều hòa GL 12000 BTU	03301.00.110000.098	1	8.700.000		1						
172	Tủ lạnh Samsung RT45MASM	03301.00.110000.099	1	9.000.000		1	Bếp					
173	Tủ lạnh Samsung RT45MASM	03301.00.110000.100	1	9.000.000		1	Bếp					
174	Micro cài áo Lectrosanics M152	03301.00.110000.116	1	5.797.000		1	P. may					
175	Micro cài áo Lectrosanics M152	03301.00.110000.117	1	5.797.000		1	P. may					
176	Micro cài áo Lectrosanics M152	03301.00.110000.118	1	5.797.000		1	P. may					
177	Micro cài áo Lectrosanics M152	03301.00.110000.119	1	5.797.000		1	P. may					
178	máy làm nóng lạnh nước uống	03301.00.110000.120	1	8.250.000		1	chợ THCS ? - Gia giữ					
179	Ô tô điện trẻ em	03301.00.110000.121	1	6.050.000		1	VP					
180	Ô tô điện trẻ em	03301.00.110000.122	1	6.050.000		1						
181	Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.123	1	9.200.000		1						
182	Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.124	1	9.200.000		1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
183	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.125	1	9.200.000								
184	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.126	1	9.200.000								
185	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.127	1	9.200.000								
186	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.128	1	9.200.000								
187	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.129	1	9.200.000								
188	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.130	1	9.200.000								
189	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	03301.00.110000.131	1	9.200.000								
190	-Loa Microlab 2016	03301.01.110000.001	31	38.750.000								
191	-Máy in Canon 3300 - Thủy Phấn	03301.01.110103.001	1	5.500.000								
192	-Máy in HP 401D	03301.09.110000.001	10	75.000.000								
193	-Máy in HP 401D	03301.10.110000.002	1	7.500.000								
194	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	03301.00.120000.001	6	17.100.000								
195	-Ghế tiếp khách (ghế da cũ)	03301.00.120000.002	52	60.580.000	-6.990.000							
196	-Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	03301.00.120000.006	1	4.472.000								
197	-Tủ chân gỗ	03301.00.120000.008	10	11.432.000								
198	-Tủ nhôm kính	03301.00.120000.011	1	1.855.638								
199	-Sàn lon Lím	03301.00.120000.012	1	3.200.000								
200	-Ghế xoay da (TP/TK/GĐ cũ)	03301.00.120000.015	1	3.960.000								
201	-Sàn lon dẹt	03301.00.120000.020	1	2.500.000								
202	-Giá sách con vật	03301.00.120000.021	10	2.650.000								
203	-Giá góc học tập	03301.00.120000.022	20	5.960.000								
204	-Giá gốc nghệ thuật BL 0203	03301.00.120000.023	20	22.500.000								
205	-Giá góc xây dựng BL 201	03301.00.120000.024	30	33.150.000								
206	-Ghế học sinh mầm non	03301.00.120000.025	50	3.250.000								
207	-Bàn học sinh mầm non	03301.00.120000.026	95	12.825.000								
208	-Tủ sắt 18 ô	03301.00.120000.030	2	7.200.000								
209	-Bức thuyết trình	03301.00.120000.031	1	2.800.000								

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
210	-Giá tạo hình	03301.00.120000.037	10	18.000.000		10						
211	-Bàn ghế Kidsmart	03301.00.120000.040	8	25.520.000		8						
212	-Nồi inox Phi 28	03301.00.120000.044	5	3.025.000		5	Bếp		4			
213	-Nồi inox Phi 26	03301.00.120000.045	5	2.750.000		5	Bếp		24			
214	-Bộ bát thìa inox	03301.00.120000.047	450	34.650.000		450	Bếp		12			
215	-Bộ tô. Bát đĩa chia ăn inox	03301.00.120000.048	20	1.870.000		20	Bếp		1010			
216	-Cốc uống nước	03301.00.120000.051	500	15.400.000		500	Cốc lớp					
217	-Tủ (giá) để ca, cốc	03301.00.120000.052	10	8.800.000		10	Các lớp					
218	-Bình ủ nước	03301.00.120000.053	14	38.500.000		14	Các lớp					
219	-Tủ đựng chiếu mền	03301.00.120000.054	14	61.600.000		14						
220	-Tủ 18 ngăn đựng đồ cá nhân Hòa Phát	03301.00.120000.055	26	114.400.000		26						
221	-Thùng đựng nước có vòi	03301.00.120000.058	14	10.780.000		14						
222	-Bàn học cho trẻ	03301.00.120000.059	115	69.575.000	-51.425.000	115						
223	-Ghế cho trẻ	03301.00.120000.060	400	127.600.000		400						
224	-Tủ bếp của bé	03301.00.120000.061	14	64.680.000		14						
225	-Ghép nút lớn	03301.00.120000.075	14	2.156.000		14	(2 bộ trong)					
226	-Xe cho bé đi shopping	03301.00.120000.094	14	26.180.000		14	(Còn 3 cái nguyên, còn lại hỏng, gãy)					
227	-Xe chơi chân	03301.00.120000.095	5	18.150.000		5	(gãy, hỏng, cần thay thế ly)					
228	-Giá đồ chơi và học liệu	03301.00.120000.096	16	21.120.000		16	(6 cái hỏng 10 cái dùng được)					
229	-Cổng chui	03301.00.120000.098	10	1.650.000		10						
230	-Ghế băng thể dục	03301.00.120000.099	10	4.400.000		10						
231	-Buc bật sâu	03301.00.120000.101	10	4.400.000		10	Hạt 4 cau					
232	-Cột ném bóng	03301.00.120000.102	10	3.520.000		10						
233	-Bể chơi cát và nước	03301.00.120000.105	14	53.900.000		14						
234	-Bô chơi bập bênh bên hình thú	03301.00.120000.106	6	15.180.000		6						
235	-xe máy điện trẻ em 3 bánh	03301.00.120000.107	5	13.750.000		5						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
236	-Bóng xù thể dục cho trẻ	03301.00.120000.108	200	9.900.000								
237	-Giá sắt	03301.00.120000.109	10	22.100.100								
238	-Bóng cho nhà bóng	03301.00.120000.110	3.000	21.000.000								
239	-Bảng lịch học năng khiếu	03301.00.120000.111	1	1.200.000								
240	-Bảng biểu tuyến truyền toán trưởng	03301.00.120000.112	5	4.000.000								
241	-Thùng đựng rác có nắp đậy	03301.00.120000.113	11	4.950.000								
242	-Gối học sinh	03301.00.120000.114	90	7.650.000								
243	-Chăn học sinh mùa đông (chăn dày)	03301.00.120000.115	60	21.000.000								
244	-Chăn học sinh mùa hè	03301.00.120000.116	165	24.750.000								
245	-Đệm mút 1.3 x 2.7 x 5 cm	03301.00.120000.117	50	70.000.000								
246	-Ga chun bọc đệm 1.3 x 2.7 x 5 cm	03301.00.120000.118	50	15.500.000								
247	-Ga chống thấm đệm 1.3 x 2.7 x 5	03301.00.120000.119	50	12.500.000								
248	-Đệm mút 0.58 x 1.18	03301.00.120000.120	36	16.560.000								
249	-Ga chun bọc đệm	03301.00.120000.121	36	7.200.000								
250	-Ga chống thấm đệm 0.58 x 1.18	03301.00.120000.122	36	1.800.000								
251	-Bàn hợp 3.6m	03301.00.120000.123	1	7.700.000								
252	-Xe đẩy inox chở hàng	03301.00.120000.125	1	5.390.000								
253	-Tủ đựng sách 2016	03301.01.120000.001	2	11.200.000								
254	-Tủ đựng chăn nệm 2016	03301.01.120000.002	22	121.000.000								
255	-Tủ đựng đồ dùng, đồ chơi của các lớp mầm non bằng sắt 2.6x1.6x0.6m 2017	03301.01.120000.003	16	77.760.000								
	Cộng		6.226	6.199.216.493	2.291.272.349							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 12 tháng 1 năm 2018

Bộ phận kiểm kê

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

- Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA KINH TẾ

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1 ✓	-Máy tính lenovo Think centre Edge	01101.00.030000.010	1	11.749.243	2.228.848	1	11.749.243	2.228.848				
2 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Tru Cúc	01101.00.030000.011	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
3 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Vũ Hạnh	01101.00.030000.012	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
4 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hoài Nam	01101.00.030000.013	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
5 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hoàng Mai	01101.00.030000.014	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
6 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quỳnh Liên	01101.00.030000.015	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
7 ✓	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hạnh Duyên	01101.00.030000.016	1	15.360.000	3.072.000	1	15.360.000	3.072.000				
8 ✓	-Máy tính giáo viên: Dell Optiplex	01101.00.030000.017	1	17.131.000	6.852.400	1	17.131.000	6.852.400				
9 ✓	-Máy tính giáo viên Dell Optiplex	01101.00.030000.018	1	17.131.000	10.278.600	0			1	diều bàn Hùng VP		
10 ✓	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	01101.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1	15.538.000	3.107.600		TK :		
11 ✓	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Nguyễn Hùng - Trại lý Đào tạo	01101.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1	25.411.000	10.164.400				
12 ✓	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Hoàng Văn	01101.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	1	25.411.000	10.164.400				

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	Máy tính để bàn Dell Corellex 3020 MT	01101.01.030104.001	1	18.500.000	14.800.000	1	VP - Hùng					
14	Máy tính để bàn Dell Corellex 3020 MT	01101.01.030104.002	1	18.500.000	14.800.000	0			1			
15	Máy tính để bàn Dell Vostro 3665 MT 2017 - Hoài Nam	01101.01.030107.003	1	18.500.000	18.500.000	1	T.Nam					
16	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Nguyễn Thị Thùy Quỳnh - K Kte 2017	01101.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	1						
17	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Nguyễn Thị Thanh Hoa - K Kte 2017	01101.01.030209.002	1	21.150.000	21.150.000	1						
18	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Ngô Hồng Nhung - K Kte 2017	01101.01.030209.003	1	21.150.000	21.150.000	1						
19	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Nguyễn Hoàng Dũng	01101.01.030209.004	1	21.150.000	21.150.000	1						
20	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - Bích Liên - K Kte 2017	01101.01.030209.005	1	21.150.000	21.150.000	1						
21	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - 2017 - Hải Yến - Khoa Kinh tế	01101.01.030209.006	1	21.150.000	21.150.000	1						
22	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - 2017 - Thủy Anh - Khoa Kinh tế	01101.01.030209.007	1	21.150.000	21.150.000	1						
23	Máy tính HP Compaq DX7510MT, LCD 17"	01101.02.030000.001	1	14.741.407	2.948.282	01	Phạm SH chuy		*			
24	Máy tính Dell Vostro 260	01101.02.030000.002	1	10.898.416	2.179.684	1						
25	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Lương Bằng	01101.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844							
26	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Bùi Dũng	01101.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	0			1	Chuyển TT kinh nghiệm sang tạo		
27	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thành Cường	01101.02.030000.006	1	14.064.223	2.812.844	1						
28	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Diệu ánh	01101.02.030000.007	1	14.064.223	2.812.844	1						
29	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	01101.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	1	VP - QLSV					
30	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	01101.06.030000.002	1	18.500.000	11.100.000	0			1			

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
31	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01101.00.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1	4P. SH chung				
32	Máy in canon 3300	01101.00.110000.001	1	4.600.000		01	P. SH chung				
33	Điện thoại bàn	01101.00.110000.002	1	800.000		01					
34	Điện thoại 12000 BTU	01101.00.110000.003	1	7.100.000		1					
35	Điện thoại 12000 BTU	01101.00.110000.004	1	7.100.000		1					
36	Điện thoại 12000 BTU	01101.00.110000.005	1	7.100.000		1					
37	Máy in HP LaserJet P2035	01101.00.110000.006	1	6.100.000		1	QLSV				
38	Máy in HP laser Pro 400 M402D - VP Khoa - 2017	01101.01.110102.001	1	8.800.000	8.800.000	1					
39	Máy in HP Laser jet Pro M402 - Hoài Nam - 2017	01101.01.110102.002	1	8.800.000	8.800.000	1					
40	Tủ sắt 2 công	01101.00.120000.002	1	1.450.000	-2.900.000	0					1 Huong - đầu tư QTĐT
41	Bàn làm việc 1.6 m	01101.00.120000.003	1	590.000		1					
42	Bảng khung nhôm	01101.00.120000.007	1	1.050.000		1					
43	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01101.00.120000.008	1	4.472.000		1	Đ. H-P				
44	Bàn sơn DT1200A (1,0m - kèm)	01101.00.120000.009	1	2.540.000		1					
45	Bàn hợp C1201CH6 (2m)	01101.00.120000.011	1	3.770.000		1	TLC				
46	Chế mã THT05 (ghế da)	01101.00.120000.012	6	6.990.000		6	FR				
47	Bàn hợp 3012 (3m)	01101.00.120000.013	1	3.390.000		1					
48	Chế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	01101.00.120000.014	19	7.980.000	7.980.000	19					
49	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01101.00.120000.015	4	11.400.000		2					2 Huong - đầu tư QTĐT
50	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	01101.00.120000.016	5	11.000.000		5					
51	Tủ sơn 1.0 m	01101.00.120000.017	1	1.450.000		0	Huong - Đầu tư QTĐT				1 Huong đầu tư QTĐT
52	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01101.00.120000.018	1	1.605.010		0					1 Huong - đầu tư QTĐT
53	Bàn làm việc 1.4 m Hoa Phát	01101.00.120000.019	1	683.563		0					
54	Chế tựa đệm Xuân Hòa	01101.00.120000.020	21	2.373.000		21					
55	Bảng khung nhôm 2.4 m	01101.00.120000.023	1	2.100.000		1					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TS/CĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
56	- Tủ sơn 1,84 m	01101.00.120000.024	1	7.120.000		1	TLC					
57	- Tủ sơn 1,35 m	01101.00.120000.025	1	5.260.000		1						
58	- Tủ sơn 1,84 m - Chuyển từ Kíca Cáo dục	01101.00.120000.026	1	7.120.000		1						
59	- Tủ sắt CA 3B(6 cánh, 6 khóa) 2016	01101.01.120000.001	1	3.950.000		1						
60	- Tủ sắt CA 3B(6 cánh, 6 khóa) 2016	01101.01.120000.002	1	3.950.000		1						
61	- Bàn CT24*2H5 □ CH4	01101.01.120000.003	1	4.650.000		1	TK					
62	- Bàn CD 1200A	01101.01.120000.004	1	2.800.000		1						
63	- Bàn CD 1200A	01101.01.120000.005	1	2.800.000		0						1 đã đưa chuyển viện SPTN
64	- Ghế xoay SG904	01101.01.120000.006	1	3.850.000		1						
65	- Ghế xoay SG904	01101.01.120000.007	1	3.850.000		1						
66	- Ghế xoay SG904	01101.01.120000.008	1	3.850.000		1						
67	- Ghế xoay SG904	01101.01.120000.009	1	3.850.000		1	TK					
68	- Bàn Hoa Phát ET1600E	01101.01.120000.010	1	4.200.000		1						
69	- Bàn CD 1200A	01101.01.120000.011	1	2.950.000	2.950.000	1	TK					
70	- Tủ DC 1840 M	01101.01.120000.012	1	8.950.000	8.950.000	1	TK					
71	- Ghế chuyển viện SL901	01101.01.120000.013	2	5.600.000	5.600.000	2						
	Cộng		122	739.112.731	350.983.310							

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghe An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê

✓

✓

Trần Anh Tuấn

Là Thị Hồng Nhung

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA. THỂ DỤC - VP., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Bình Hương	01801.00.030000.010	1	15.360.000	3.072.000	1						R
2	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quốc Bằng	01801.00.030000.011	1	15.360.000	3.072.000	1						R
3	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Phan Sinh	01801.00.030000.012	1	15.360.000	3.072.000	1						R
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Ngọc Lan	01801.00.030000.013	1	15.360.000	3.072.000	1						R
5	-Máy tính lenovo Think centre Edge 71	01801.00.030000.014	1	11.149.243	4.459.696	1	VP.					R
6	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	01801.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1	VP					R
7	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Hồng Thắng	01801.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1						R
8	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Mạnh Hùng	01801.00.030203.002	1	16.896.000	6.758.400	1						R
9	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Mạnh Hồng	01801.02.030000.001	1	14.064.223	2.812.844	1						R
10	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - ái Khuê	01801.02.030000.002	1	14.064.223	2.812.844	1						R
11	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Ngọc Việt	01801.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1						R

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chánh lịch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
12	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Trí Lực	01801.07.030203.001	1	16.896.000	10.137.600	1			
13	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01801.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1	T. Khon.		
14	Điều hòa LG 12000 BTU	01801.00.110000.001	1	7.100.000		1	VP - Khoa Sử		
15	Điều hòa LG 12000 BTU	01801.00.110000.002	1	7.100.000		1			
16	Điều hòa LG 12000 BTU	01801.00.110000.003	1	7.100.000		1			
17	Máy in Laze HP 1660	01801.00.110000.004	1	6.336.750		1	T. Khon VP CS2		
18	Máy tính ELEAD, Model: T10TTLCD 19"	01801.04.110000.001	1	9.351.500		1	Học - Đ. T. y. h. T. L.		
19	Bục để tượng Bác Hồ	01801.00.120000.010	1	450.000		1	VP CS2		
20	Bàn họp 3012 (3m)	01801.00.120000.011	1	3.390.000		1	VP CS2		
21	Bàn sơn ET 1400C (1.4m)	01801.00.120000.012	3	8.550.000		3	CS2		
22	Bàn họp CT2010H6 (2m)	01801.00.120000.013	1	3.770.000		1	T. Khon CS2		
23	Bàn sơn DT 1890 H35 (1.8m)	01801.00.120000.014	1	4.472.000		1	T. P.		
24	Bàn sơn OD1200A (1.0m - kèm)	01801.00.120000.015	1	2.540.000		1	T. Khon		
25	Ghế xoay da (TP/TK/GP)	01801.00.120000.016	1	4.170.000		1	T. P. K.		
26	Ghế mã THT05 (ghế da)	01801.00.120000.017	6	7.417.272		6	T. K.		
27	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	01801.00.120000.018	2	5.860.000		2	Học 1 cái để yên để học CS2		
28	Tủ đựng tài liệu sắt 4 cánh	01801.00.120000.019	1	1.919.197		1			
29	Tủ sắt Hoà Phát 2 cánh	01801.00.120000.020	2	3.894.615		1	VP. CS2		
30	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01801.00.120000.021	1	1.605.010		1			
31	Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	01801.00.120000.022	20	8.400.000		20			
32	Ghế làm việc Văn phòng (ghế xếp màu xanh)	01801.00.120000.023	8	1.091.374		8			
33	Tủ sơn 1,84 m	01801.00.120000.028	1	7.120.000		1	T. Khon		
34	Tủ sắt 09K4T 2016	01801.01.120000.001	1	3.200.000		1	P. C. y. h. u.		
	Cộng		69	319.101.830	70.198.948				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghe An, Ngày 26 tháng 01 năm 2018

Bộ phận kiểm kê

Handwritten signature: T. N. L. D.

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHỎA GIÁO DỤC THỂ CHẤT - CS.2, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
1	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 <i>Ngân sách</i>	01803.02.030000.001	1	14.064.223	2.812.844	1					R
2	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	01803.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	0			1	Nay là Dell Vostro 3450	R
3	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	01803.06.030000.002	1	18.500.000	11.100.000	0			1	Nay là Dell Vostro 3450	R
4	Máy in Canon LBP 3300	01803.00.110000.001	1	3.950.000		1	VP CS				R
5	Điều hòa LG 12000 BTU	01803.00.110000.002	1	7.100.000		1					R
6	Điều hòa LG 12000 BTU	01803.00.110000.003	1	7.100.000		1					R
7	Điều hòa LG 12000 BTU	01803.00.110000.004	1	7.100.000		1					R
8	Tủ sắt đựng hoá chất	01803.00.120000.001	2	4.048.000		0			1		R
9	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01803.00.120000.002	1	4.472.000		0			1	Đã làm Thủ lý 2016	R
10	Bàn sơn ET 1600E (1,6m)	01803.00.120000.003	1	4.070.000		0			1		R
11	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01803.00.120000.004	1	2.850.000		1	VP CS				R
12	Ghế xoay da (TP/TK/GP)	01803.00.120000.005	2	8.340.000		0			2		R
13	Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	01803.00.120000.006	20	8.400.000		0			20		R
14	Sa lon tiếp khách	01803.00.120000.007	1	3.250.000		1	VP TO 45% và 15% Thử dần				R
15	Bàn bóng bàn - 2017	01803.01.120000.001	4	18.480.000		0			4	Không số (không nhận)	R

Cộng

39

130.224.223

25.012.844

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày 26 tháng 01 năm 2018





Người Hà Tĩnh

T.N.V.L

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Don vi:

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VI SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BAN KIỂM KÊ

Ng Thi Ho

[Signature]

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: ...Phục...Đoàn...TĐ.

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	DVT	SL	Ghi chú
1	Quạt cây công nghiệp	cái	05	
2	Quạt cây treo tường	cái	40	Hàng.
3	Tủ sắt 1,35m	cái	01	
4	Bàn sắt 1,6m	cái	01	
5	Áo Tê LG. 40'	Cái	01	Hàng
6	Loa di động	Cái	01	
7	Nic đeo hai cấn áo Thunel	bì	01	Hàng
8	Ghế Xưa lười	cái	08	

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

BAN KIỂM KÊ

[Signature]

[Signature]
Tỷ lệ 1/1